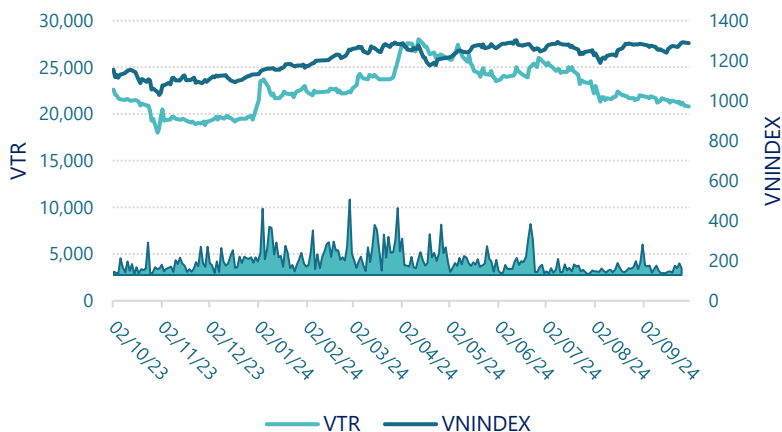




CTCP Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel (UPCOM: VTR)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	20,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,000
SL cổ phiếu LH	28,658,247
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,730
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	596
P/E	10.6
EPS	1,961

DT thuần

Q3/24

2,030

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.00| 0.0%

YoY: ▲110| 5.8%

LN sau thuế

Q3/24

14.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲10.2| 234%

YoY: ▼19.8| -57.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

1.7%

+/- YoY: ▼0.5%

DT thuần

9T 2024

5,259

tỷ VNĐ

YoY: ▲627| 13.5%

LN sau thuế

9T 2024

31.5

tỷ VNĐ

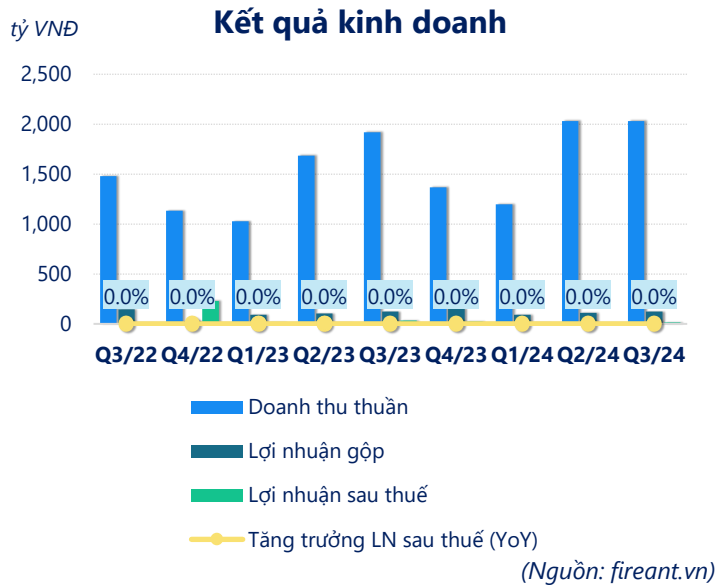
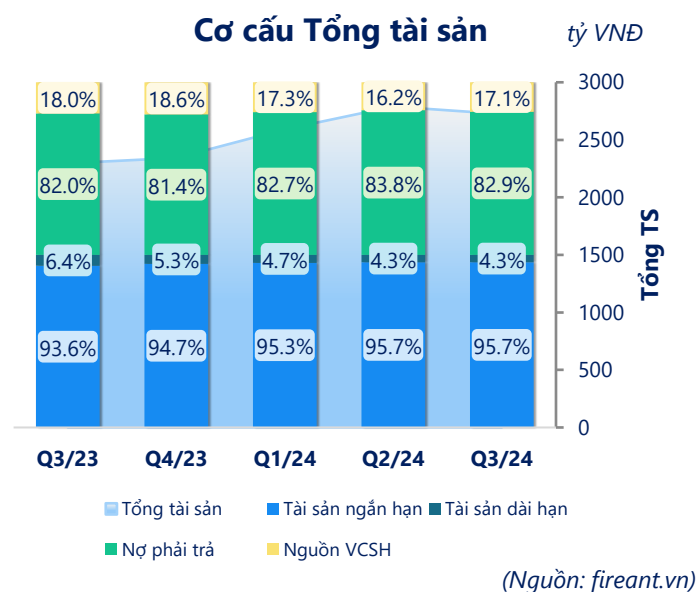
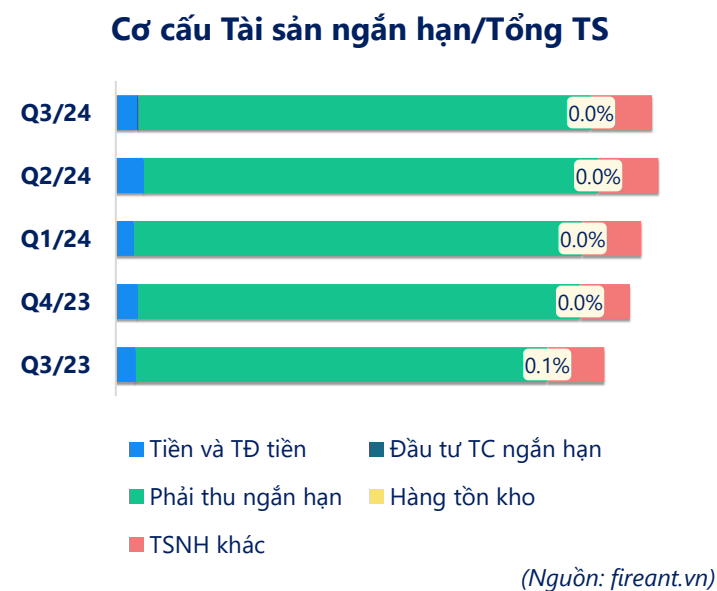
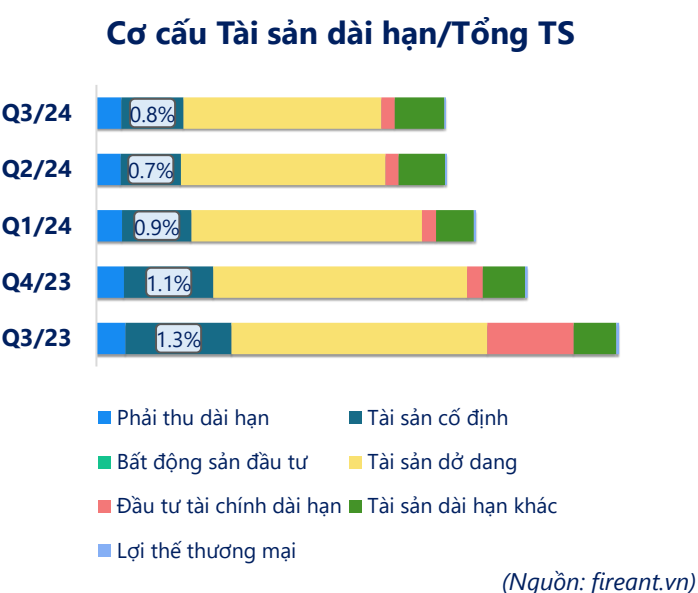
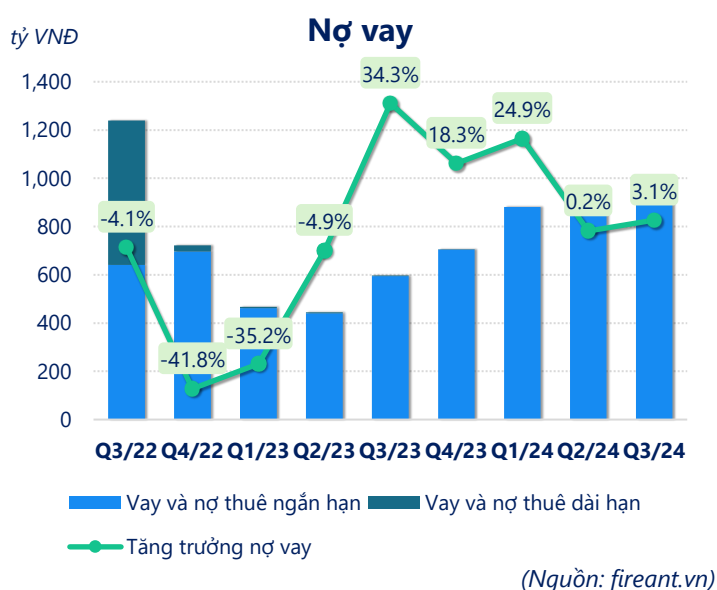
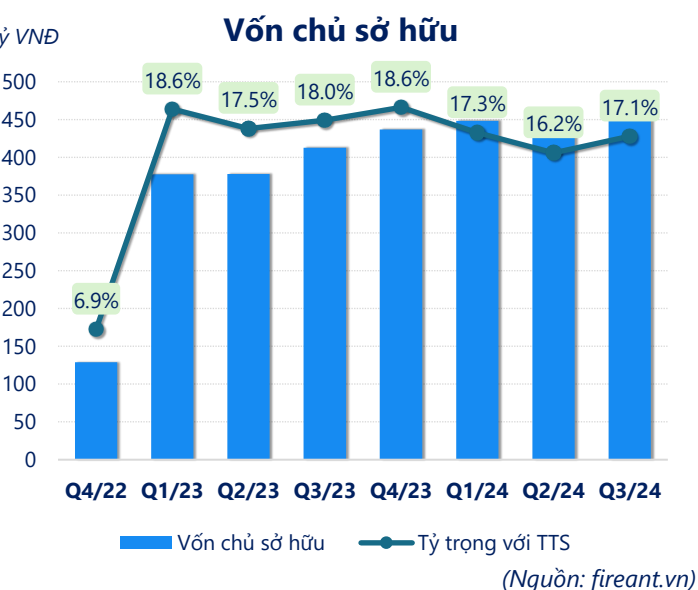
YoY: ▼30.8| -49.4%

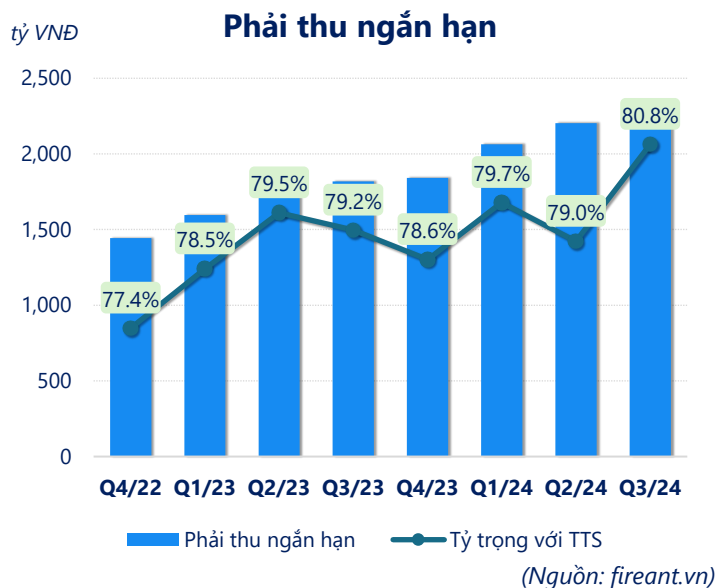
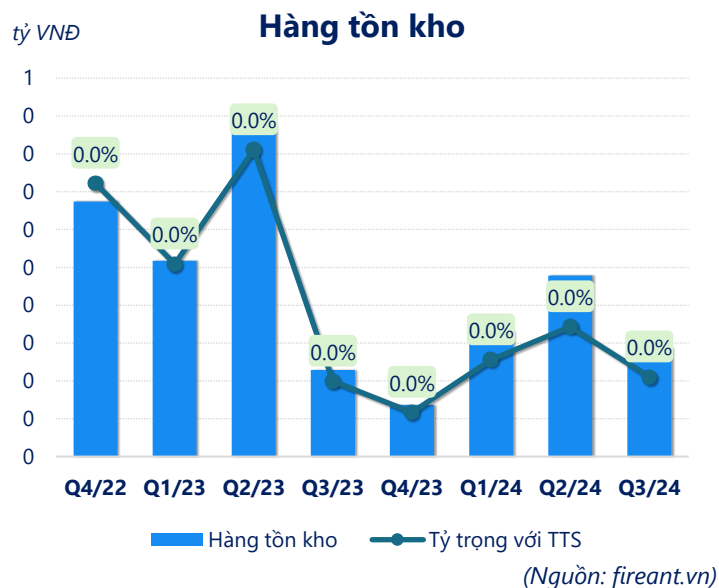
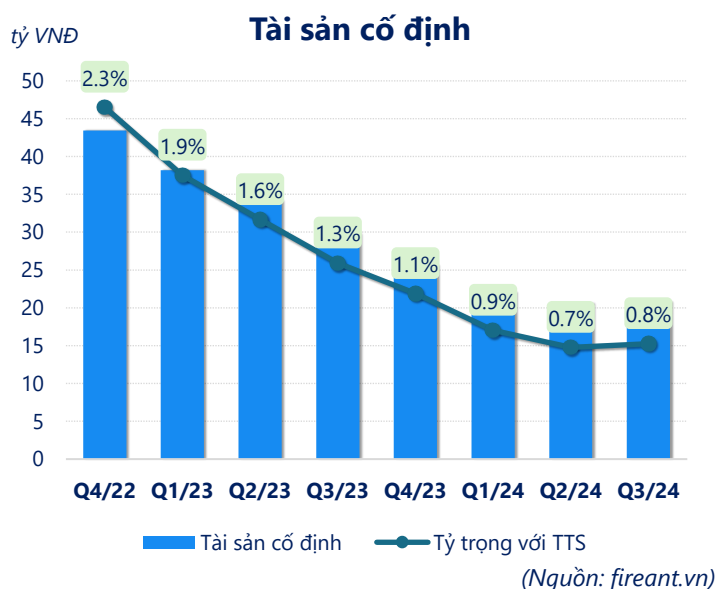
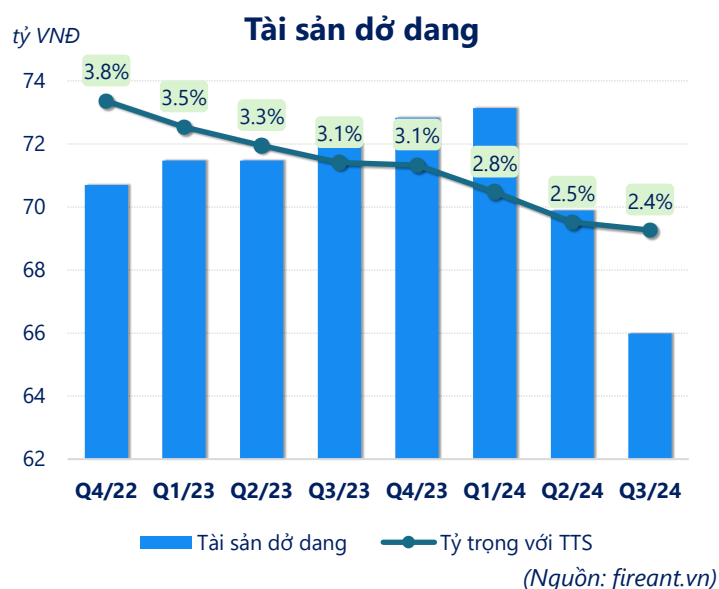
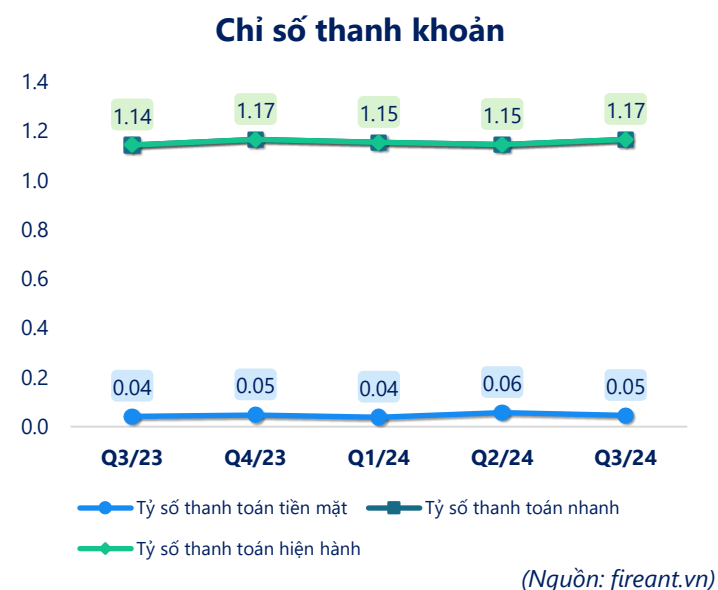
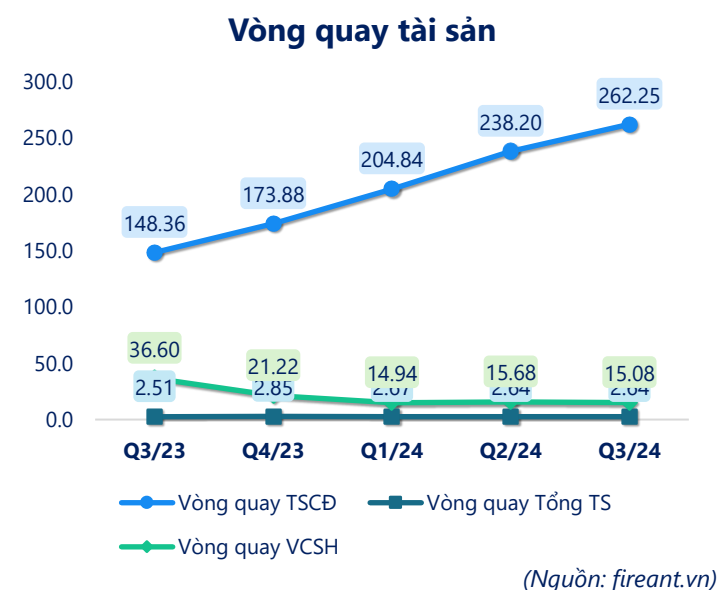
ROE

Q3/24

12.8%

+/- YoY: ▼173%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	2,296	2,342	2,591	2,789	2,724
Tài sản ngắn hạn	2,149	2,218	2,470	2,670	2,608
Tiền và tương đương tiền	79.2	90.5	81.7	133	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.40	12.1	13.9	13.9	13.9
Phải thu ngắn hạn	1,818	1,842	2,065	2,203	2,201
Hàng tồn kho	0.11	0.07	0.17	0.24	0.14
Tài sản ngắn hạn khác	245	274	310	320	292
Tài sản dài hạn	147	124	120	120	117
Phải thu dài hạn	8.23	7.93	8.12	8.27	8.32
Tài sản cố định	29.8	25.6	22.1	20.6	20.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	72.0	72.8	73.1	69.9	66.0
Đầu tư tài chính dài hạn	24.3	4.51	4.51	4.51	4.51
Tài sản dài hạn khác	12.0	12.1	12.0	15.9	16.5
Lợi thế thương mại	0.78	0.72	0.66	0.60	0.54
Nợ phải trả	1,884	1,905	2,142	2,336	2,258
Nợ ngắn hạn	1,880	1,903	2,141	2,331	2,237
Vay và nợ thuê ngắn hạn	595	705	881	880	891
Phải trả người bán ngắn hạn	565	590	491	712	754
Nợ dài hạn	3.55	1.72	1.06	4.95	21.2
Vay và nợ thuê dài hạn	2.30	0.66	0	3.89	20.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	413	437	448	453	466
Vốn chủ sở hữu	413	437	448	453	466
Vốn điều lệ	293	293	293	292	292
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)